

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/HC-PT

Ngày: 26-01-2026

V/v khiếu kiện quyết định hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thư

Các Thẩm phán: Ông Phạm Tiến Hiệp

Ông Lê Viết Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Anh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Đình Phi Long, Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 01 năm 2026, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai - cơ sở 2 xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 16/2025/TLPT-HC ngày 11 tháng 11 năm 2025 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”, do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2025/HC-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXPT-HC ngày 16/12/2025, Thông báo số 1073/TB-TA ngày 29/12/2025 về việc thay đổi địa điểm xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hành chính phúc thẩm số 01/2026/QĐPT-HC ngày 09/01/2026 và Thông báo số 01/TA-CV ngày 16/01/2026 về dời ngày xét xử vụ án hành chính, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Vũ Văn H, sinh năm 1978, địa chỉ: Khu phố T, phường B, tỉnh Đồng Nai.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân phường T (nay là Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Đồng Nai); địa chỉ: Phường B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Lâm Quốc H1 – Phó Trưởng phòng Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị phường B, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trịnh Thị L, sinh năm 1981; địa chỉ: Khu phố T, phường B, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Đoàn Văn L1, sinh năm 1966 và bà Tống Thị N, sinh năm: 1969; cùng

địa chỉ: Khu phố T, phường B, tỉnh Đồng Nai.

Người kháng cáo: Ông Vũ Văn H.

(Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Vũ Văn H, bà Trịnh Thị L, ông Đoàn Văn L1 có mặt; ông Lâm Quốc H1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Vũ Văn H trình bày:*

Ngày 24/6/2020 ông H đã nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Nai) với nội dung: khởi kiện Quyết định 179/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của Chủ tịch UBND phường T về việc giải quyết đơn của ông Vũ Văn H. Ngày 13/7/2020, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Nai) ban hành Thông báo số 01/2020/TB-TA về việc trả lại đơn khởi kiện với lý do: Quyết định 179/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của Chủ tịch UBND phường T về việc giải quyết đơn của ông Vũ Văn H không phải là quyết định hành chính.

Sau đó ông H chuyển sang khởi kiện vụ án dân sự. Ngày 28/5/2024 Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Nai) ban hành Quyết định số 48/2024/QĐST-DS về việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự. Ngày 06/6/2024 ông H làm đơn kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án nói trên. Ngày 06/9/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai) ban hành Quyết định số 13/2024/QĐ-PT về việc giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Căn cứ vào quyết định này thì Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Nai) tiếp tục giải quyết vụ việc bằng thủ tục hành chính.

Ông H có thửa đất số 352 tờ bản đồ số 16, địa chỉ thửa đất khu phố C, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (nay là phường B, tỉnh Đồng Nai). Lúc mua không cắm mốc nên ông H không biết cụ thể ranh mốc thửa đất của ông H đến đâu, đến năm 2017, UBND phường T (nay là UBND phường B) làm đường bê tông lên thửa đất của gia đình ông H nhưng không vận động gia đình ông Hữu hiến đất và không có quyết định thu hồi đất. Năm 2018 có đợt đo đạc địa chính toàn phường ông H mới phát hiện ra con đường bê tông nằm trên thửa đất của gia đình ông H, ông H đã làm đơn đến UBND phường T và được Chủ tịch UBND phường trả lời bằng "Quyết định 179/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 về việc giải quyết đơn của ông Vũ Văn H". Ông H cho rằng quyết định này là không đúng vì:

- Trong quá trình thực hiện các quy trình thủ tục làm con đường này UBND phường không thực hiện chức trách nhiệm vụ là "quản lý đất đai" đã được quy định trong Luật Đất đai năm 2013, hơn nữa trong Quyết định 179/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của Chủ tịch UBND phường T (nay là UBND phường B) cũng không thể hiện được vai trò trách nhiệm này.

- Thửa đất của ông H đã có được cấp GCNQSDĐ và đến nay đã được Sở TN&MT tỉnh B ban hành bản đồ địa chính thể hiện phần đường bê tông làm lên

thửa đất là 37,1m², vì vậy khi thực hiện làm con đường này UBND phường T (nay là UBND phường B) không vận động gia đình ông Hữu hiến đất, cũng không có quyết định thu hồi đất (chưa được sự đồng ý của gia đình ông H) là không đúng.

Từ những nội dung trên ông H yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Hủy Quyết định 179/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của Chủ tịch UBND phường T (nay là UBND phường B) về việc giải quyết đơn của ông Vũ Văn H.

2. Buộc UBND phường T (nay là UBND phường B) tháo dỡ đoạn đường bê tông có diện tích 37,1m², trả lại nguyên trạng ban đầu cho gia đình ông H sử dụng.

** Người bị kiện Ủy ban nhân dân phường T (nay là phường B) trình bày:*

Về quy trình thực hiện đầu tư xây dựng tuyến đường T, khu phố C, phường T (đường trước nhà ông H): là dựa trên các Quyết định của UBND tỉnh B (nay là UBND tỉnh Đ) bao gồm Quyết định 679/QĐ-UBND ngày 07/04/2014 về ban hành quy định cơ chế đầu tư đối với công trình đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 và Quyết định 2936/QĐ-UBND ngày 09/11/2017 ban hành hướng dẫn thực hiện các thiết kế mẫu, thiết kế điển hình và hướng dẫn kỹ thuật thi công mặt đường bê tông xi măng theo cơ chế đầu tư đối với công trình đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020. Cụ thể: vận động nhân dân cùng chung tay góp công, góp của để cùng Nhà nước đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông khu phố, áp theo chủ trương làm đường giao thông nông thôn theo cơ chế đặc thù thiết kế mẫu. Căn cứ nguồn vốn được phân bổ làm đường giao thông nông thôn theo cơ chế đặc thù thiết kế mẫu của UBND thị xã Đ, UBND phường T triển khai cho các khu phố khảo sát, đăng ký tuyến đường dự kiến đầu tư và tiến hành họp lấy ý kiến nhân dân để thống nhất thực hiện đầu tư xây dựng đường bê tông xi măng theo cơ chế đặc thù thiết kế mẫu một cách công khai, dân chủ ngay từ khu phố.

Năm 2017, theo đề nghị của Ban điều hành khu phố và nhân dân tổ E, khu phố C đề nghị làm đường bê tông xi măng tuyến đường T, khu phố C (tuyến đường nhà ông H). Sau khi thống nhất Thường trực HĐND-UBND-UBMTTQVN phường, UBND phường đã tổng hợp các tuyến đường cần đầu tư xây dựng trên địa bàn phường T UBND thị xã Đ phê duyệt, trong đó có tuyến đường T, khu phố C (tuyến đường nhà ông H). Sau khi UBND thị xã Đ phê duyệt tại Quyết định 3715/QĐ-UBND ngày 25/9/2017 và Quyết định điều chỉnh số 4649/QĐ-UBND ngày 06/12/2017 thì vào ngày 30/10/2017, Ban điều hành khu phố 3 đã tổ chức họp các hộ dân tổ 5 khu phố C để bàn bạc, thống nhất cách làm và cách vận động đóng góp của các hộ dân trong xóm, đồng thời bầu tổ giám sát công trình. Tại cuộc họp, ông Vũ Văn H có mặt dự họp và được nhân dân cử làm thư ký cuộc họp. Nội dung họp thể hiện các hộ gia đình bàn bạc công khai, dân chủ và ông H được bầu làm Tổ phó tổ giám sát công trình. Từ lúc triển khai thi công làm đường đến lúc hoàn thành công trình đưa vào sử dụng, ông H không có ý kiến gì và thực hiện đóng góp đầy đủ kinh phí làm đường theo thống nhất.

Tại biên bản cuộc họp, bà con thống nhất mặt đường bê tông rộng 4m, đoạn nào hẹp thì mở rộng cho đủ, đoạn nào cong thì nắn. Tuy nhiên, trong quá trình thực

hiện không mở rộng hoặc nắn đường, chỉ làm theo đường hiện hữu đã có từ trước nên UBND phường và Ban điều hành khu phố 3 không vận động nhân dân hiến đất.

Căn cứ theo quy trình triển khai và hồ sơ do Ban điều hành khu phố phối hợp với bà con tổ E, khu phố C trình UBND phường. Kết quả của tổ thẩm định phường tại Báo cáo số 12 ngày 02/10/2017. Trên cơ sở đó, UBND phường ban hành Quyết định số 153a/QĐ-UBND ngày 02/10/2017 và Quyết định số 206c/QĐ-UBND ngày 07/12/2017 về việc thuận chủ trương đầu tư thực hiện làm đường GTNT theo cơ chế đặc thù thiết kế mẫu đối với tuyến đường T, khu phố C (tuyến đường nhà ông H). Giao các bộ phận liên quan và Ban giám sát đầu tư cộng đồng phối hợp tổ giám sát tuyến đường do bà con bầu thực hiện chức năng theo quy định.

Qua đó cho thấy, trong quá trình triển khai làm đường, từ khi họp dân cho đến khi công trình hoàn thành đưa vào sử dụng, ông H đã đồng thuận, nhất trí cao, không có ý kiến phản đối và tham gia đóng góp theo quy định. Điều này chứng tỏ việc UBND phường T triển khai làm tuyến đường bê tông nói trên là đảm bảo công khai, dân chủ, có sự kiểm tra, giám sát của nhân dân, trong đó ông H được nhân dân thống nhất bầu làm Tổ phó tổ giám sát công trình. Như vậy, phía người bị kiện cho rằng việc ông H cho rằng UBND phường T làm đường lấn lên đất của gia đình ông mà ông không biết và chưa được gia đình ông hiến đất để làm đường là không có cơ sở.

Căn cứ tài liệu kèm theo Ủy ban nhân dân phường T (nay là UBND phường B) đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Nai): Bác toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của Vũ Văn H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T (nay là UBND phường B) về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông H. Buộc UBND phường T (nay là UBND phường B) tháo dỡ đoạn đường bê tông có diện tích 37,1m², trả lại nguyên trạng ban đầu cho gia đình ông sử dụng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn L1 và bà Tống Thị N trình bày:*

Vào năm 1985 gia đình ông L1, bà N khai phá thửa đất diện tích khoảng 18.800m², Đến năm 1987 ông L1, bà N có sang một phần đất nông nghiệp phía trong cho ông Đỗ Thanh B diện tích 10.000m (sau là ông Đỗ Đại Đ canh tác). Các hộ dân phía trong cũng như những hộ dân xung quanh sử dụng con đường đi chung của xóm dài đến đất nhà ông Đỗ Thanh B đã có sẵn từ năm 1987. Diện tích đất còn lại 8.704m² đến năm 2001 gia đình ông L1, bà N được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 092582, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00304/QSDĐ/2302/QĐUB, 00-105, do UBND tỉnh B cấp ngày 01/01/2001, tờ bản đồ: 16; Số thửa: 126, tọa lạc tại: Tổ E, khu phố C, phường T, Tp Đ, tỉnh Bình Phước, đứng tên hộ bà N. Đến ngày 26/8/2006 gia đình ông L1, bà N có sang nhượng cho ông Vũ Văn H một phần đất trong diện tích nói trên chiều ngang 5m, chiều dài khoảng 50m (tính từ cột mốc giáp với đường đi về phía sau). Tổng diện tích khoảng 250m² đất. Có tứ cận: Phía Bắc giáp đường đi, phía Tây giáp đất bà Phạm Thị H2 (sau là đất ông Đỗ Anh T và giáp đất bà Đỗ Thị N1), phía Nam giáp đất ông Cao Hữu T1 (nay ông Cao Hữu T2 canh tác), phía Tây giáp đất bà Tống Thị N (sau là đất bà Trịnh Thị L2). Việc chuyển nhượng đất hai bên viết giấy tay với nhau, do ông H

viết. Sau khi mua bán xong ông L1, bà N đi chỉ ranh, cắm cột mốc và bàn giao đất tại thực địa cho ông H sử dụng từ đó cho đến nay. Hiện tại cột mốc vẫn còn.

Đến ngày 10/9/2006 gia đình ông L1, bà N có sang nhượng cho bà Trịnh Thị L2 và chồng là ông Lê Thanh L3 (em vợ của ông H) một phần đất trong diện tích đất còn lại nói trên chiều ngang 5m, chiều dài khoảng 50m. Tổng diện tích khoảng 250m² đất nông nghiệp. Có tứ cận: Phía Bắc giáp đường đi; phía Nam giáp đất ông Cao Hữu T1 (nay là đất ông Cao Hữu T2); phía Đông giáp đất bà Tống Thị N2, phía Tây giáp đất ông Vũ Văn H. Sau khi việc mua bán xong ông L1, bà N2 đi chỉ ranh, cắm cột mốc và bàn giao đất tại thực địa cho bà L2 sử dụng ngay từ 10/9/2006 cho đến nay không có tranh chấp. Việc chuyển nhượng đất hai bên có giấy viết tay với nhau có ông H là người ký tên làm chứng, hiện tại cột mốc vẫn còn. Gia đình ông L1, bà N2 đã giao toàn bộ hồ sơ và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Vũ Văn H tự đi tách hai thửa đất cho ông H và bà L2, và ông H đã tự liên hệ với cơ quan chuyên môn tách vượt cột mốc mà ông L1, bà N2 đã bàn giao cho ông mà ông L1, bà N2 không hề hay biết. Ông H đã tự kê khai làm giả hợp đồng và giả mạo chữ ký của bà N2 để sang nhượng quyền sử dụng đất vào ngày 11/01/2007.

Đến ngày 16/9/2014 ông L1, bà N2 có sang nhượng cho ông Kiều Hữu Q và vợ là Nguyễn Thị L4 một phần trong phần diện tích đất còn lại trên (đối diện với đất của ông Vũ Văn H và đất của bà Trịnh Thị L2) có chiều rộng 14m, sâu 43m, tổng diện tích khoảng 602m², có tứ cận: phía Nam giáp đường đi, phía Tây giáp đất ông Q, phía Đông và phía Bắc giáp đất bà N2. Khi đó, cắm mốc, bàn giao đất cho gia đình ông Q thì ông H cũng có mặt chứng kiến và công nhận đó là con đường đi rộng 5m và ký tên người làm chứng vào giấy sang nhượng đất giữa gia đình ông L1, bà N2 và gia đình ông Q.

Ngày 25/05/2015 ông L1, bà N2 có sang nhượng cho ông Trịnh Văn R ngụ tại xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương một phần trong diện tích đất còn lại, có chiều rộng 10m, chiều dài (khoảng 50m dài hết đất) tổng diện tích khoảng 500m²; Có tứ cận: phía bắc giáp đường đi, phía Tây giáp đất ông C, phía Đông giáp đất bà N2, phía Nam giáp đất ông Q. Ông R đã nhận bàn giao đất và sử dụng ổn định từ đó đến nay.

Ngày 20/12/2015 ông L1, bà N2 có sang nhượng cho ông Vũ Hữu T3 một phần trong diện tích đất còn lại, có chiều rộng 10m, chiều dài khoảng 45m, tổng diện tích khoảng 450m²; Có tứ cận: phía Bắc giáp đường đi, phía Nam giáp đất ông Q, phía Tây giáp đất ông R, phía Đông giáp đất bà N2. Ông T3 đã nhận bàn giao đất và sử dụng ổn định từ đó đến nay.

Đến ngày 16/5/2016 ông L1, bà N2 sang nhượng cho ông Trần Văn K một phần đất nông nghiệp giáp với đất ông L1, bà N2 đã bán cho ông Kiều Hữu Q, chiều rộng 6m, sâu 28m, có tứ cận: phía Nam giáp đường đi, phía Tây giáp đất ông Q, phía Đông và phía Bắc giáp đất bà Tống Thị N.

Khi ông Kiều Hữu Q gọi cơ quan chức năng xuống đo tách thửa thì thấy GCNQSDĐ của gia đình ông L1, bà N không đúng với thực tế nên chưa tách được sổ. Do vậy nên bà N phải đứng tên xin phép xây dựng cho ông K để ông xây nhà (có giấy phép xây dựng kèm theo).

Ngày 15/10/2016 ông L1, bà N có bán cho ông Cao Đăng H3 một phần diện tích đất còn lại, có chiều rộng 10m, sâu khoảng 40m, tổng diện tích khoảng 400m², có tứ cận: phía Bắc giáp đường đi, phía Tây giáp đất ông Vũ Hữu T3, phía Nam giáp đất ông Q, phía đông giáp đất bà N. Ông H3 đã nhận bàn giao đất và sử dụng ổn đến năm 2017 UBND phường T có chủ trương làm đường bê tông xóm Đ, do nhà nước và nhân dân cùng làm. UBND phường T đã giao cho Khu phố 3 tổ chức họp xóm vào lúc 19 giờ ngày 30/10/2017 tại nhà ông Nguyễn Xuân H4. Nhân dân trong xóm đã thống nhất bầu ông Vũ Văn H làm thư ký cuộc họp và làm tổ phó ban giám sát con đường (ông H có đóng tiền làm đường). Việc làm đường bê tông đã nhận được sự đồng thuận cao của bà con nhân dân. Con đường này gia đình ông L1, bà N đã cho các hộ dân sử dụng làm lối đi chung 37 năm qua trên thửa đất của gia đình ông L1, bà N, từ trước khi gia đình ông L1, bà N bán đất cho ông H bà L2, và có xác nhận của bà con nhân dân trong khu phố. Phần đường bê tông là nằm trong Giấy chứng nhận QSDĐ của gia đình ông L1, bà N, mà ông L1, bà N đã hiến để bà con nhân dân làm đường đi lại.

Như vậy, toàn bộ nội dung vụ việc nêu trên thể hiện con đường này gia đình ông L1, bà N đã cho các hộ dân sử dụng làm lối đi chung 37 năm qua trên thửa đất của gia đình ông L1, bà N, từ trước khi gia đình ông L1, bà N bán đất cho ông H bà L2 và có xác nhận của bà con nhân dân trong khu phố. Nay ông H khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân phường T tháo dỡ đoạn đường bê tông có diện tích 37,1m² là không có cơ sở.

** Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2025/HC-ST ngày 26/9/2025 Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Nai tuyên xử:*

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 2, khoản 5 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính.

Căn cứ vào các Điều 7, Điều 9, Điều 11, Điều 17, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32 Luật Khiếu nại năm 2011.

Căn cứ Điều 9, Điều 12, Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn H về việc: Hủy Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, nay là phường B, tỉnh Đồng Nai và buộc Ủy ban nhân dân phường T, nay là phường B tháo dỡ đoạn đường bê tông diện tích 37,1m² và trả lại hiện trạng ban đầu cho gia đình ông H sử dụng.

Về chi phí tố tụng: ông Vũ Văn H phải chịu 10.857.223 đồng (mười triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn, hai trăm hai mươi ba đồng) tiền đo đạc sơ đồ (ông H đã thực hiện xong).

Về án phí: ông H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào

số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) ông H nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền số 0004325 ngày 19/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (nay là Phòng Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai). Phòng Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai hoàn trả cho ông H 200.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự trong vụ án.

Ngày 07/10/2025, ông Vũ Văn H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2025/HC-ST ngày 26/9/2025 Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Nai theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2025/HC-ST ngày 26/9/2025 Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Nai theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H. UBND phường B vắng mặt tại phiên tòa nên không thể hiện ý kiến. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến như sau:*

- Thẩm phán chủ tọa và các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính từ giai đoạn thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm.

- Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông H làm trong thời hạn luật định, đúng hình thức, đã đóng tạm ứng án phí phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

- Về nội dung kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng việc áp dụng pháp luật, căn cứ Điều 9; Khoản 2, khoản 6 Điều 11 Luật Khiếu nại 2011; điểm a, khoản 3, Điều 116; điểm đ, khoản 1, Điều 123; điểm g, điểm h, khoản 1, Điều 143; khoản 4 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2025/HC - ST, ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Nai và đình chỉ giải quyết vụ án vì lý do: thời hiệu khởi kiện đã hết; sự việc không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Cụ thể như sau:

Một là, xét nguồn gốc tuyến đường T, khu phố C, phường T (nay là phường B, tỉnh Đồng Nai): năm 1985, gia đình ông Đoàn Văn L1 và bà Tống Thị N khai phá thửa đất diện tích khoảng 18.800 m², đến năm 1987 ông L1 và bà N có sang nhượng một phần đất nông nghiệp phía trong cho ông Đỗ Thanh B diện tích 10.000m² (sau là ông Đỗ Đại Đ canh tác). Các hộ dân phía trong cũng như những hộ dân xung quanh sử dụng con đường đi chung (được gọi là lối đi chung) của xóm đã có từ năm 1987. Năm 2001 gia đình ông L1, bà N được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T: 092582, số cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00304/QSDĐ/2302/QĐUB, 00-105, do UBND tỉnh B cấp ngày 01/01/2001, tờ bản đồ: 16; số thửa: 126, tọa lạc tại: Tổ E, khu phố C, phường T, Tp Đ, tỉnh Bình Phước. Đến ngày 26/8/2006 gia đình ông L1, bà N có sang nhượng cho ông Vũ Văn H một

phần đất trong diện tích nói trên chiều ngang 5m, chiều dài khoảng 50m (tính từ cột mốc giáp với đường đi về phía sau). Tổng diện tích khoảng 250m² đất. Việc chuyển nhượng đất này được hai bên viết giấy tay, cắm cột mốc tại thực địa và ông H sử dụng từ đó cho đến nay, hiện tại cột mốc vẫn còn. Như vậy, con đường đi chung này là đất của gia đình ông L1, bà N cho các hộ dân sử dụng làm lối đi chung từ năm 1987 cho đến nay. Do đó khi có tranh chấp cần phải xác định đây là tranh chấp dân sự về “*Quyền sử dụng đất trên lối đi chung*”.

Hai là, xét Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (nay là phường B, tỉnh Đồng Nai):

Căn cứ Quyết định 679/QĐ-UBND ngày 07/4/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành quy định cơ chế đầu tư đối với công trình đặc thù thuộc chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 -2020 thực hiện chủ trương trên của UBND tỉnh và UBND thị xã Đ (sau là thành phố Đ trước sáp nhập) về việc vận động nhân dân cùng chung tay góp công, góp của để cùng Nhà nước đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông khu phố, làm đường giao thông nông thôn theo cơ chế đặc thù thiết kế mẫu. Căn cứ nguồn vốn được phân bổ làm đường giao thông nông thôn theo cơ chế đặc thù thiết kế mẫu của UBND thị xã Đ, UBND phường T triển khai cho các khu phố khảo sát, đăng ký tuyến đường dự kiến đầu tư và tiến hành họp và lấy ý kiến nhân dân để thống nhất thực hiện đầu tư xây dựng đường bê tông xi măng theo cơ chế đặc thù thiết kế mẫu một cách công khai, dân chủ ngay từ khu phố.

Ngày 30/10/2017, Ban điều hành khu phố 3 đã tổ chức họp các hộ dân tổ E, khu phố C để bàn bạc, thống nhất cách làm và cách vận động đóng góp của các hộ dân trong xóm, đồng thời bầu tổ giám sát công trình. Tại cuộc họp, ông Vũ Văn H có mặt dự họp và được nhân dân cử làm thư ký cuộc họp; tại cuộc họp, các hộ gia đình bàn bạc công khai, dân chủ, sau đó ông H được bầu làm Tổ phó tổ giám sát công trình. Từ lúc triển khai thi công làm đường đến lúc hoàn thành công trình đưa vào sử dụng, ông H không có ý kiến gì và thực hiện đóng góp đầy đủ kinh phí làm đường theo thống nhất trước đó. Cụ thể: bà con thống nhất về quy trình thực hiện đầu tư xây dựng tuyến đường T, khu phố C, phường T (hẻm N L) mặt đường bê tông rộng 4m, chiều dài 200m, đoạn nào hẹp thì mở rộng cho đủ, đoạn nào cong thì nắn. Tuy nhiên, thực tế trong quá trình thực hiện không mở rộng hoặc nắn đường, chỉ làm theo đường hiện hữu đã có từ trước nên UBND phường và Ban điều hành khu phố 3 không vận động nhân dân hiến đất. Qua đó cho thấy, trong quá trình triển khai làm đường, từ khi họp dân cho đến khi công trình hoàn thành và đưa vào sử dụng, ông H đã đồng thuận, nhất trí cao, không có ý kiến phản đối và tham gia đóng góp theo quy định. Điều này chứng tỏ UBND phường T triển khai làm tuyến đường bê tông nói trên là đảm bảo công khai, dân chủ, có sự kiểm tra, giám sát của nhân dân và đã đem lại lợi ích cho người dân khi tham gia giao thông. Như vậy, Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Hữu buộc UBND phường T dỡ đoạn đường bê tông có diện tích 37,1m², trả lại nguyên trạng ban đầu cho gia đình ông sử dụng đây là hành vi hành chính; Lẽ ra Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T không thụ lý giải quyết theo

thủ tục khiếu nại hành chính nhưng vẫn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T thụ lý giải quyết dẫn đến vi phạm vào Luật Khiếu nại như sau:

+ Vi phạm thời hạn khiếu nại: Ngày 20/12/2017 công trình hoàn thành và được nghiệm thu đưa vào sử dụng (bút lục 121), đến lúc ông Vũ Văn H gửi đơn khiếu nại ngày 08/01/2019 là hơn 01 năm; như vậy hết thời hiệu khiếu nại được quy định tại Điều 9 Luật Khiếu nại năm 2011.

+ Vi phạm các khiếu nại không được thụ lý giải quyết: Tuyến đường hoàn thành đưa vào sử dụng, đem lại quyền, lợi ích hợp pháp cho người dân khi tham gia giao thông và không làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của ông H. Do đó, trường hợp khiếu nại của ông Vũ Văn H không được thụ lý giải quyết được quy định tại khoản 2, khoản 6 Điều 11 Luật Khiếu nại năm 2011.

Ba là, Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2025/HC-ST, ngày 26/9/2025 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính” của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đồng Nai (viết tắt là bản án số 01) nhận định của Tòa án về tố tụng là vi phạm nghiêm trọng cụ thể:

+ Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết thể hiện tại bản án sơ thẩm số 01 ông Vũ Văn H được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa hủy Quyết định 179/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Vũ Văn H khiếu nại hành vi của UBND phường T năm 2017 làm đường giao thông nông thôn trên phần đất của gia đình ông H mà chưa được gia đình ông Hữu H5 đất để làm đường, ông H đề nghị trả lại diện tích 37,1m² để gia đình ông H sử dụng là đúng thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn ban hành theo quy định tại Điều 17 Luật Khiếu nại năm 2011. Xét thấy năm 2017 theo đề nghị của Ban điều hành khu phố và nhân dân tổ E, khu phố C đề nghị làm đường bê tông xi măng tuyến đường tổ 5, khu phố C (Tuyến đường nhà ông H). Sau khi thống nhất Thường trực HĐND - UBND - UBMTTQVN phường. Ủy ban nhân dân phường đã tổng hợp các tuyến đường cần đầu tư xây dựng trên địa bàn phường Tân Đồng trình UBND thị xã Đ phê duyệt, trong đó có tuyến đường T, khu phố C được UBND thị xã Đ phê duyệt tại Quyết định 3715/QĐ-UBND ngày 25/9/2017 của UBND thị xã Đ và Quyết định điều chỉnh số 4649/QĐ-UBND ngày 06/12/2017 UBND thị xã Đ. Như vậy, Thường trực HĐND-UBND - UBMTTQVN phường T đang thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo điều hành của cơ quan hành chính cấp trên (UBND thị xã Đ), do đó việc khiếu nại của ông Vũ Văn H là thuộc trường hợp trường hợp không được thụ lý giải quyết được quy định tại khoản 1, Điều 11 Luật Khiếu nại năm 2011;

+ Về thời hiệu khởi kiện theo nhận định trong bản án số 01 xác định thời hiệu khởi kiện Quyết định 179/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T được tính như sau: Ông Vũ Văn H làm đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài đề nghị hủy Quyết định số 179/QĐ - UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T vào ngày ngày 10 tháng 7 năm 2020. Ngày 13/7/2020 Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài ban hành Thông báo trả lại đơn khởi kiện số 01/2020/TB-TA. Ngày 22/4/2022, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài thụ lý vụ án dân sự số 55/TB-TLVA về việc ông H yêu cầu UBND

phường T phải tháo dỡ đoạn đường bê tông có diện tích 37,1m² và trả lại đất cho ông H. Ngày 28/5/2024 Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết số 48/2024/QĐST-DS. Như vậy, việc trả lại đơn khởi kiện và việc thụ lý vụ án dân sự của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài cho rằng khách quan nên không tính vào thời hiệu khởi kiện. Căn cứ Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính yêu cầu khởi kiện của ông H trong hạn luật định, cần được xem xét. Tuy nhiên ngày 10/7/2020 ông Vũ Văn H làm đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài đề nghị hủy Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài nhận và xem xét đơn khởi kiện, xác định Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T không phải là quyết định hành chính nên không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, đồng thời ban hành Thông báo trả lại đơn khởi kiện số 01/2020/TB-TA ngày 13/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, thông báo này không bị khiếu nại, kiến nghị. Do đó việc Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài thụ lý lại vào ngày 05/01/2025 đã hết thời hiệu và không thuộc trường hợp thụ lý đơn quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Vũ Văn H được làm trong thời hạn luật định, đã đóng tạm ứng án phí phúc thẩm nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm được quy định tại Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, UBND phường B vắng mặt, không có lý do chính đáng, xét thấy Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng UBND phường B vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính Tòa án tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt người bị kiện.

[3] Về đối tượng khởi kiện, trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính và thẩm quyền giải quyết vụ án đã được Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và thực hiện đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính. Cho đến nay không đương sự nào có ý kiến về nội dung này, căn cứ vào Điều 220 Luật Tổ tụng hành chính thì Tòa án cấp phúc thẩm không xét lại.

[4] Về thời hiệu khởi kiện, xét thấy:

Ngày 10/7/2020, ông H nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của Ủy ban nhân dân phường T tại Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài. Ngày 13/7/2020, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài ban hành Thông báo trả lại đơn khởi kiện số 01/2020/TB-TA và việc Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài thụ lý giải quyết vụ án dân sự đã dẫn đến thời điểm ông H khởi kiện lại vụ án hành chính vào ngày 02/01/2025 thì quá 01 năm kể từ ngày ông H nhận hoặc biết được quyết định giải quyết khiếu nại. Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Nai) có nhầm lẫn trong việc áp dụng pháp luật (cụ thể: trả lại đơn khởi kiện vụ án hành chính, sau đó thụ lý vụ án dân sự và đình chỉ) được xem là trở ngại khách quan theo khoản 4

Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính làm cho ông H không khởi kiện được trong thời hạn quy định. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết khiếu kiện của ông H là phù hợp.

[5] Xét kháng cáo của ông H, thấy rằng:

[5.1] Vào năm 2017, UBND phường T triển khai thi công tuyến đường bê tông tại tổ E, khu phố C, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước theo cơ chế đặc thù thiết kế mẫu được quy định tại Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 07/4/2014 và Quyết định số 2936/QĐ-UBND ngày 09/11/2017 của UBND tỉnh B. UBND phường T đã tổ chức triển khai, khảo sát, thông báo đến các tổ, khu phố trong toàn thành phố Đ triển khai họp dân công khai, dân chủ. Theo đó, ngày 30/10/2017, các hộ dân tổ E, khu phố C, phường T họp bàn thống nhất về quy mô tuyến đường, kinh phí đóng góp và bầu tổ giám sát công trình. Tại cuộc họp, ông H có mặt và được cử làm thư ký cuộc họp, sau đó còn được bầu làm Tổ phó Tổ giám sát công trình. Từ khi tổ chức họp dân, triển khai thi công cho đến lúc công trình hoàn thành và đưa vào sử dụng thì ông H không có ý kiến phản đối hay khiếu nại gì mà còn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ góp kinh phí làm đường. Thực tế các hộ dân đều công nhận con đường không mở rộng hoặc nắn đường, chỉ làm trên con đường hiện hữu đã có từ trước nên không vận động người dân hiến đất; việc UBND phường thi công tuyến đường có sự đóng góp, giám sát của toàn thể người dân dọc theo hai bên đường. Vì vậy, việc ông H cho rằng UBND phường T làm đường lên đất của ông mà ông không biết, không được vận động hiến đất làm đường là không có cơ sở.

[5.2] Ông H cho rằng Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2025/HC-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Nai căn cứ vào Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2025/DS-ST ngày 20/9/2025 là bản án chưa có hiệu lực pháp luật để tuyên yêu cầu khởi kiện của ông H là có cơ sở. Tuy nhiên, việc giải quyết vụ án còn phải được xem xét đến các tài liệu, chứng cứ, tình tiết khác theo quy định của pháp luật. Việc Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Nai viện dẫn Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2025/DS-ST ngày 20/9/2025 chỉ là một trong những tài liệu được xem xét đến trong vụ án.

[5.3] UBND phường T (nay là UBND phường B) tham gia vụ án với tư cách tổ tụng là người bị kiện. Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập họp lệ 02 lần nhưng UBND phường vẫn vắng mặt nên căn cứ và điểm b khoản 2 Điều 157 Luật Tổ tụng Hành chính, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, kháng cáo của ông H về nội dung này không được xem xét chấp nhận.

[5.4] Từ những phân tích trên, xét yêu cầu của ông H về việc UBND phường T hết bê tông trả lại diện tích 37,1m² cho gia đình ông H sử dụng là không có cơ sở.

[5.5] Đơn kháng cáo có nội dung ông H yêu cầu UBND phường T trả lại cho ông H số tiền 10.857.223đ (Mười triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm hai mươi ba đồng), xét thấy đây là yêu cầu vượt quá phạm vi xét xử phúc thẩm, căn cứ Điều 220 Luật Tổ tụng Hành chính, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Với nhận định trên xét thấy Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của Ủy ban nhân dân phường T (nay là Ủy ban nhân dân phường Đ) đã được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục; quá trình trước và trong khi triển khai làm đường, ông H có tham gia ý kiến, có đóng góp kinh phí và làm Tổ phó Tổ Giám sát thi công nên việc ông cho rằng con đường lấn vào đất của gia đình ông và ông không được vận động hiến đất là không có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông là có căn cứ, đúng pháp luật, do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông H, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí phúc thẩm: ông H phải chịu.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng Hành chính;

Bác kháng cáo của ông Vũ Văn H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (nay là phường B, tỉnh Đồng Nai) và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2025/HC-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Nai.

Áp dụng:

Khoản 1, 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 2, khoản 5 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;

Điều 7, Điều 9, Điều 11, Điều 17, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32 Luật Khiếu nại năm 2011;

Điều 9, Điều 12, Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn H về việc hủy Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (nay là phường B, tỉnh Đồng Nai) và buộc Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (nay là phường B, tỉnh Đồng Nai) tháo dỡ đoạn đường bê tông diện tích 37,1m² và trả lại hiện trạng ban đầu cho gia đình ông H sử dụng.

Về chi phí tố tụng: ông Vũ Văn H phải chịu 10.857.223đ (Mười triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm hai mươi hai ba đồng) tiền đo đạc sơ đồ (ông H đã thực hiện xong).

Về án phí dân sự sơ thẩm: ông H phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào

số tiền 500.000 đồng ông H nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền số 0004325 ngày 19/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, nay là Phòng Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Hoàn trả cho ông H số tiền là 200.000 đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: ông H phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng ông H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004375 ngày 21/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 9 - Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thư